TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 22/6/2023
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Xuân Trường.**

Các thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**

Ông **Vũ Thanh Tuấn.**

***Thư ký phiên toà*: Bà Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông **Nguyễn Văn Tưởng**, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử trực tuyến công khai vụ án Hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 04/2023/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023, về việc "Ly hôn". Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Những người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần: Ông Phạm Đức C, Thẩm phán - Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo thay đổi thời gian, hình thức mở phiên tòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K - sinh năm 1964. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị M - sinh năm 1964. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị M (Bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày như sau*:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 23/9/1984. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau, tình cảm lạnh nhạt, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ năm 2014, vợ chồng tuy chung sống một nhà nhưng không ai nói với ai, không ăn chung, ngủ chung, kinh tế riêng biệt của ai người đó sử dụng. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm giữa ông và bà M không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà M không đồng ý ly hôn và không đến Tòa án để giải quyết ly hôn là cố tình gây khó khăn cho ông, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà M.

Về con chung: Ông xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Văn M1, sinh ngày 10/02/1984, Nguyễn Văn C1, sinh ngày 17/6/1988 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 07/11/1985, các con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Ông Nguyễn Văn K không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xác định điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân của ông bà đúng như ông Nguyễn Văn K trình bày. Bà và ông Nguyễn Văn K sống hòa thuận, hạnh phúc được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K có quan hệ tình cảm với người cùng xóm, cùng làng là chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973 và có 01 con tên là Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 2001. Bà đã khuyên giải nhiều lần nhưng ông K không nghe, ông K còn yêu cầu mẹ con bà nhận mẹ

con chị L và đến xin lỗi gia đình chị L nhưng bà không đến. Ông K còn mua điện thoại và nhiều thứ cho chị L, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Từ năm 2015 vợ chồng tuy chung sống một nhà nhưng không ăn chung, ngủ chung vì lý do ông K đuổi bà. Ông K còn công khai nhận mẹ con chị L để cho dân làng biết. Từ giữa năm 2019, vợ chồng ăn riêng, mỗi người một phòng, kinh tế của ai người đó giữ, tự chi tiêu. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay ông K xin ly hôn bà không đồng ý vì tuổi đã cao, các con đều đã trưởng thành, đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải cho vợ chồng bà đoàn tụ.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Văn M1, sinh ngày 10/02/1984, Nguyễn Văn C1, sinh ngày 17/6/1988 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 07/11/1985, các con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn K được ly hôn bà Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Không giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/02/2023 bà Nguyễn Thị M kháng cáo không đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử bác đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn K.

Tại phiên tòa bà M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K không nhất trí nội dung kháng cáo của bà M và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu về việc tuân theo pháp luật và đường lối giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự cho thấy ông K và bà M đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử cho ly hôn là đúng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M. Bà M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, nghe ý kiến trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị M trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị M: Bà không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử bác đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn K. Tuy nhiên tại các bản khai và quá trình làm việc với Tòa án bà M xác định ông K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có 01 con chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Từ năm 2015, mặc dù sống chung một nhà nhưng mỗi người một phòng, không ngủ chung với nhau. Giữa năm 2019 vợ chồng ăn riêng, kinh tế độc lập và đã sống ly thân cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Ông K cũng xác định vợ chồng bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi nhau, vợ chồng ăn riêng, ngủ riêng, kinh tế độc lập và đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng bà M không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa án triệu tập bà có mặt để tiến hành hòa giải bà đều vắng mặt chứng tỏ bà không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông K. Từ đó xác định hôn nhân của ông, bà không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà M.

[3].Về án phí: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị M không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương về quan hệ hôn nhân như sau:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn K được ly hôn bà Nguyễn Thị M.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000923 ngày 13/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Bà M đã thi hành xong phần án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyệnThanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Hồng Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Trường